

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀNG HÓA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Hà
Ông Hoàng Ngọc Hải

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Đỗ Diệu Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại Toà án nhân dân huyện Hoàng Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý: 71/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đỗ Ngọc T, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn 6 (thôn L), xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Lô Thị S, sinh năm 1992 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 1 thôn 2, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2022, các lời khai trong có hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Đỗ Ngọc T trình bày:

Anh và chị Lô Thị S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L (nay là xã S), huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 21/02/2011. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm sống hai bên không phù hợp. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị S.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 27/10/2011. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu L ở với mẹ nên anh T đồng ý giao cháu Đỗ Thị Thùy L cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do chị S chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên anh T cũng đồng ý khi nào chị S yêu cầu thì anh T sẽ cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2022, bị đơn chị Lô Thị S trình bày:

Chị S và anh Đỗ Ngọc T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống bình thường cho đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do quan điểm bất đồng nên thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Anh T làm đơn xin ly hôn chị S, chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn anh T.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 27/10/2011. Chị S xin được trực tiếp nuôi con và hiện tại chưa yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/4/2022, cháu Đỗ Thị Thùy L trình bày: Bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ là Lô Thị S.

Xác minh tại địa phương xã S, huyện H, tỉnh Thanh Hóa ngày 20/4/2022: Anh Đỗ Ngọc T và chị Lô Thị S đăng ký kết hôn tại xã L (nay là xã S), huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại thôn 6 (thôn L), xã S và có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 27/10/2011. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn. Từ năm 2013, chị S đã bế con và chuyển khẩu về quê ngoại tại xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận để ở.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoằng Hóa trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn, bị đơn được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Đỗ Ngọc T được ly hôn chị Lô Thị S. Về con: Đề nghị giao cháu Đỗ Thị Thùy L cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T, chị S không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị không xem xét. Về tài sản: Anh T và chị S không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Đề nghị buộc anh Đỗ Ngọc T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Anh Đỗ Ngọc T khởi kiện xin ly hôn chị Lô Thị S và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn - chị S tuy không có địa chỉ tại huyện Hoằng Hóa, tỉnh

Thanh Hóa nhưng các đương sự đã thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa là nơi giải quyết vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn:

Bị đơn chị Lô Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị S là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về Nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Anh Đỗ Ngọc T và chị Lô Thị S tự nguyện kết hôn và có đăng lý kết hôn tại UBND xã S (xã Hoằng L), huyện H, tỉnh Thanh Hóa, là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống nên cuộc sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau. Từ năm 2013, vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Anh T làm đơn xin ly hôn, chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý ly hôn anh T. Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn chị S.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Thùy L, sinh ngày 27/10/2011. Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Thùy Linh ở với mẹ. Nay ly hôn cả anh T và chị S đều thống nhất chị S là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thùy Linh nên cần tôn trọng sự tự định đoạt của các đương sự, giao cháu Đỗ Thị Thùy L cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3]. Về tài sản và công nợ: Anh T và chị S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Nguyên đơn anh Đỗ Ngọc T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, **Điều 271, Điều 273** của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, khoản 1,3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Đỗ Ngọc T được ly hôn chị Lô Thị S.
2. *Về con chung:* Giao cháu Đỗ Thị Thùy L cho chị Lô Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Anh Đỗ Ngọc T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: AA/2021/0010732 ngày 21/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Anh T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoàng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoàng Hóa;
- UBND xã S;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Vân